

PHỤ LỤC IV: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	850	460	270			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	450	190	130			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	790	440	260			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	410	190	120			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	410	180	120			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			210	180	120	140	84	84
7	Xã Mường Kim cũ			520	350	230	260	130	97
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			210	180	120	140	86	86
2	Xã Ta Gia cũ			520	350	230	260	130	97
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	6.000	1.900	950			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	4.200	1.500	680			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	3.700	1.400	570			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	3.100	1.200	500			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	2.800	1.100	450			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đền hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	3.700					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.700	600	330			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	800	320	150			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	800	370	180			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	520	250	150			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	900	360	170			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	900	360	170			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	900	360	170			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	800	320	150			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	800	320	150			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	1.300	300	150			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	310	210	140			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	800	320	150			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	800	320	150			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	780	320	150			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	430	240	150			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	500	250	150			
23	Ngõ Di Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	500	250	150			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	2.300	900	420			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	1.100	500	220			
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	470	250	160			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	1.100	500	220			
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	1.400	500	280			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	800	320	150			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	720	280	170			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	1.100	500	220			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	1.400	500	280			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	900	360	170			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1.200	500	220			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	900	360	170			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	800	320	150			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	800	320	150			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	800	320	150			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	510	250	150			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trung	440	230	150			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	500	250	150			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	500	250	150			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	510	250	150			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	800	610	270			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	510	250	150			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	510	250	150			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	510	250	150			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	510	250	150			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	930	360	170			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	780	370	180			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	510	250	150			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	1.000	400	170			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	380	190	140			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	470	250	160			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	380	190	140			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	190	140			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	380	190	140			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	470	250	160			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	380	190	140			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	380	190	140			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	470	250	160			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160			
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	310	210	140			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	380	190	140			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	380	190	140			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	470	250	160			
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	380	190	140			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	310	210	140			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	380	240	160			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	240	160			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	240	160			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	310	210	140			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	310	210	140			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	310	210	140			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	310	210	140			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	470	250	160			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trại Y tế (Số nhà 002)	470	250	160			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	470	250	160			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	190	140			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đầu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	310	210	140			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	310	210	140			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	310	210	140			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	470	250	160			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	310	210	140			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	1.000	400	170			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	380	190	140			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	780	320	150			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	310					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	310					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	310					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	310					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thủy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phụng	710	440	250			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	710	440	250			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	710	440	250			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	710	440	250			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	710	440	250			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chử	1.900	720	280			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chử	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	1.300	510	200			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	640	340	150			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	640	360	150			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	640	360	150			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	1.100	550	300			
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	620	360	150			
113	Đường đi bản Xuân Phụng - Hua Than- Ên Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	710	440	250			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	710	440	250			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	710	440	250			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mản non Hua Nà	550	360	230			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Hảy Lăm	550	360	230			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			310					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			710	440	250	420	240	130
120	Các xã Hua Nà cũ			550	360	230	260	130	95
IV	XÃ MƯỜNG THAN								
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ								
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	620	360	150			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	1.175	588	320			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	620	360	150			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	1.100	550	300			
5	Xã Phúc Than cũ			1.018	628	363	430	250	130
6	Xã Mường Mít cũ			210	180	120	140	90	86
V	XÃ PẮC TA								
1	Xã Pắc Ta cũ			510	320	230	290	190	120
2	Xã Hố Mít cũ			130	95	74	110	74	63
VI	XÃ NẬM SỎ								
1	Xã Nậm Sỏ cũ			140	100	76	110	76	65
2	Xã Tà Mít cũ			130	95	74	110	74	63
VII	XÃ TÂN UYÊN								
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	4.200	2.300	1.900			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.900	1.800	1.400			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	1.100	600	500			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	3.100	1.800	1.400			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.900	1.800	1.400			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	540	420	260			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	1.100	600	500			
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	860	570	350			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	940	620	370			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.500	700	500			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	860	570	350			
14	Phố Vừ A Dính	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	1.000					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	1.000					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	860	570	350			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	410	270	220			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	940	560	350			
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	940	560	350			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	940	560	350			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	690	440	290			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	650	420	280			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	2.000					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	1.100	600	500			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hô Be	450	300	230			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	450	300	230			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	450	300	230			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	2.000					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	460	240	190			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1.300					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	1.300					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	1.300					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	1.300					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000					
36	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	1.000					
37	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	1.000					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	1.143	688	651			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	1.060	620	460			
40	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			670	370	290			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	900	530	330			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện			1.000					
43	Khu dự án chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Giàng cũ)			1.000					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			236					
45	Xã Nậm Cắn cũ			210	150	120	150	95	74
46	Xã Trung Đồng cũ			500	320	220	280	190	120
47	Xã Thân Thuộc cũ			580	400	260	320	190	140
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			210	150	120	150	100	76
2	Xã Phúc Khoa cũ			590	410	270	320	190	140
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	350	102	65			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			350					
3	Xã Bản Bo cũ			170	106	68	113	76	76
4	Xã Nà Tăm cũ			150	95	63	110	74	74
X	XÃ BÌNH LƯ								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	2.800	540	350			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.900	640	340			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	2.100	450	260			
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	940	260	160			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	940	260	160			
6	Đường Tác Tình	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	1.000	260	160			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	3.600	640	350			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1.400	340	250			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.300	620	270			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	3.300	640	290			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	3.300	640	290			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	3.100	640	290			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	890					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	930					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	930					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	1.000	270	160			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.500					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.700					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.500					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.700	370	190			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.400	340	190			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1.400					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.200					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	630					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	590					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1.400					
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	2.600	620	330			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1.400					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	2.600					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.900					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.900					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	Phố Tô Hữu	630	240	160			
40	Phố Tô Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	630	240	160			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	350					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	650					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	830					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	420	180	140			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
51	Đường Vũ A Dính	Giao với nút giao đường Bế Văn Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tĩnh	170					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	320					
53	Sắp xếp dân cư bán Tác Tĩnh, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		240					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư	960	260	160			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	1.200					
56	Đường Bế Văn Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vũ A Dính	170					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			140					
58	Xã Sơn Bình cũ			330	99	63	110	74	74
59	Xã Bình Lư cũ			370	200	140	306	184	84
XI	XÃ TẢ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phô Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			240					
2	Xã Hồ Thầu cũ			240	99	63	110	74	74
3	Xã Giang Ma cũ			240	91	65	108	65	65
4	Xã Tả Lềng cũ			150	95	63	105	74	74
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	250	150	100			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			240					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			240					
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ			150	95	63	110	74	74
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			140	90	65	90	63	65
XIII	XÃ SİN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thên Sìn cũ (Toàn khu)			240					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thên Sìn, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			240					
3	Xã Sìn Suối Hồ cũ			320	180	110	150	110	74
4	Xã Nậm Xe cũ			380	200	130	220	140	84
5	Xã Thên Sìn cũ			330	91	65	110	65	65
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	3.200					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	2500	1540	600			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	1400	590	280			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	3100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	2500	1500				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	1100	730	440			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	790	490	300			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	210	130	110			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1.300	580	300			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2.200					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2.500					
12	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.900					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.900					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.900					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.900					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.500					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	1200					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.900					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.900					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.500					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	1.200					
24	Quốc lộ 12	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	680	410	310			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	1800					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			280					
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	3.000					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	2.700	2.100	1.500			
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	1.100					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	1.100					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	1.800	1.400	990			
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	1.100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
32.6	Đường số 13 (đường cụt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	1.400	1.090	780			
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	1.500	1.100	800			
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			110					
34	Xã Mường So cũ			750	420	260	290	180	108
35	Xã Ma Li Pho cũ			460	240	150	230	170	95
36	Xã Huổi Luông cũ			380	200	130	220	140	84
XV	XÃ DÀO SAN								
1	Xã Đào San cũ			390	200	130	230	140	86
2	Xã Tung Qua Lin cũ, xã Mù Sang cũ			310	170	110	150	110	74
XVI	XÃ SÌ LỖ LẦU								
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Si Lở Lầu cũ			320	170	110	150	110	76
2	Xã Mỏ Si San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ			310	170	110	150	110	74
XVII	XÃ KHỔNG LÃO								
1	Xã Khổng Lão cũ			480	250	160	240	170	100
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			460	240	150	230	170	95
XVIII	XÃ TỬA SÍN CHẢI								
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tả Ngảo cũ			180	113	65	97	54	54
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			120	63	53	63	53	53
XIX	XÃ SÌN HỒ								
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.600	890	340			
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.600	890	340			
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	1.230	540	280			
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tả Phìn cũ)	470	250	150			
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDABTĐC	1.230	540	280			
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	640	340	180			
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	500	250	150			
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.230	540	280			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	910	450	280			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	910	450	280			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	660	350	180			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.600	890	340			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	910	450	280			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	470	280	160			
15	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	700	360	190			
16	Phố Bế Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	570	260	160			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	640	340	180			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.800	1.200	620			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.700	930	600			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.600	810	500			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	640	340	180			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	380	190	140			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	360	190	130			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	910	450	280			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	560	270	160			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khinh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	380	190	140			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	380	190	140			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	380	190	140			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1.210	730	370			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	340	160	130			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	340	160	130			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	670	340	270			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	670	340	270			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Phố Bế Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	670	340	270			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn đường từ Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến Phố Bế Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	670	340	270			
38	Đường nội thị giáp dãy nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Dinh - Cáp	640	340	180			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sin Hồ cũ			220					
40	Xã Sà Dề Phìn cũ, xã Phăng Sô Lín cũ, xã Tả Phìn cũ)			170	110	63	95	53	53
XX	XÃ HỒNG THU								
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			170	110	63	95	53	53

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
2	Xã Ma Quai cũ			180	110	65	100	54	54
XXI	XÃ NẬM TẮM								
1	Xã Nậm Tầm cũ			400	190	120	150	93	80
2	Xã Lũng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			170	110	63	95	53	53
XXII	XÃ PU SAM CÁP								
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Hèo cũ			180	113	65	97	54	54
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			120	63	53	63	53	53
XXIII	XÃ NẬM CUỐI								
1	Xã Nậm Hăn cũ			120	63	53	63	53	53
2	Xã Nậm Cuối cũ			180	113	65	97	54	54
XXIV	XÃ NẬM MẠ								
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Căn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)			180	110	65	100	54	54
XXV	XÃ LÊ LỢI								
1	Xã Pù Dao cũ			130	92	55	84	53	53
2	Xã Nậm Pi cũ			100	53	42	53	42	42
3	Xã Chăn Nưa cũ			370	158	97	119	76	65
4	Xã Lê Lợi cũ			160	100	77	95	53	53
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	890	710	410			
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT	890					
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	1.400	1.200	700			
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	430	280	190			
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	520	360	230			
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	840	640	460			
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	840	640	460			
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	640	460			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	270	170	150			
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	350	260	180			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1.200					
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	740	590	340			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	400	270	220			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	400	270	220			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	280	190	150			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	270	170	150			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	350	230	170			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	260	200	140			
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	350	230	170			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	400	270	180			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	400	270	180			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1.200	530	370			
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	1.200					
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	1.200					
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.200					
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	840	640	460			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	740	590	340			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	840					
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	1.200					
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	1.200					
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.200					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.200					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.200					
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			160					
35	Xã Nậm Hàng cũ			160	100	77	95	53	53
36	Xã Nậm Manh cũ			130	88	53	84	53	53
XXVII	XÃ MUỜNG MÔ								
1	Xã Muờng Mô cũ			160	106	79	97	54	54
2	Xã Nậm Chà cũ			100	53	42	53	42	42
XXVIII	XÃ HUA BUM								
1	Xã Hua Bum cũ			130	91	54	86	54	54
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Muờng Tè cũ			140	88	63	84	53	53
XXIX	XÃ PA TẦN								
1	Xã Pa Tần cũ			466	202	126	120	76	65
2	Xã Nậm Ban cũ			99	53	42	53	42	42
3	Xã Trung Chải cũ			130	91	54	86	54	54
XXX	XÃ BUM NƯA								
1	Xã Bum Nưa cũ			170	120	79	110	65	65

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
2	Xã Pa Vệ Sủ cũ			110	74	53	84	46	46
XXXI	XÃ BUM TỠ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	1.065	622	532			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách	1.358	710	487			
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	1.065	622	532			
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	1234	674	509			
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	1.234	674	509			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	887	566	509			
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1234	674	509			
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1234	674	509			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	1.234	674	509			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	1124	622	486			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1.234	674	509			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1.234	674	509			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mẩn	887	566	486			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dừng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	887	566	486			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	946	611	475			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	887	566	486			
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	946	611	475			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	900	700				
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (dạo)	1.000	600	450			
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	887	566	486			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	887	566	486			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	887	566	486			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	887	566	486			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	887	566	486			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	887	566	486			
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	887	566	486			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	887	566	486			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	800	600				
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	679					
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	679	486	389			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	1.234	674	532			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	2.512	1.435	1.077			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	1.100					
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	887	566	486			
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	1.672	828	622			
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyện)	1.672	828	622			
39	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.543	769	588			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.872	913	651			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	1.234	674	509			
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tinh	750	600	450			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			170					
46	Xã Can Hồ cũ			170	120	77	110	63	63
47	Xã Bum Tở cũ			140	90	63	84	53	53
XXXII	XÃ MƯỜNG TÈ								
1	Xã Mường Tè cũ			170	120	77	110	63	63
2	Xã Nậm Khao cũ			150	91	65	86	54	54
XXXIII	XÃ THU LŨM								
1	Xã Ka Lăng cũ			150	91	65	86	54	54
2	Xã Thu Lũm cũ			140	88	63	84	53	53
XXXIV	XÃ PA Ủ								
1	Xã Pa Ủ cũ			120	76	54	86	48	48
2	Xã Tá Bạ cũ			110	74	53	84	46	46
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mùa Cả			110	76	54	86	48	48
XXXVI	XÃ TÀ TỔNG								
1	Xã Tà Tổng			110	76	54	86	48	48